

NỘI DUNG VÀ CÂU HỎI THAM KHẢO KHI THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Nội dung thẩm định đề nghị xây dựng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39, khoản 3 Điều 88 của Luật ban hành văn bản. Trong quá trình thẩm định đề nghị xây dựng văn bản, các thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định, đại biểu tham dự cuộc họp tư vấn thẩm định, các đơn vị chủ trì, tham gia thẩm định có thể tham khảo các nội dung cụ thể và câu hỏi về từng vấn đề sau đây:

I. NỘI DUNG VÀ CÂU HỎI THAM KHẢO

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Khi thẩm định về sự cần thiết ban hành văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Lý do của việc ban hành văn bản, gồm:

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;
- Thực thi các cam kết trong các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- Pháp luật hiện hành chưa quy định hoặc đã có quy định nhưng chồng chéo, mâu thuẫn hoặc các biện pháp chưa đạt hiệu quả để giải quyết vấn đề hoặc quy định không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và thiếu tính khả thi.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Việc xây dựng chính sách xuất phát từ yêu cầu giải quyết vấn đề thực tiễn nào ở trong nước và quốc tế (nhu cầu về điều chỉnh các quan hệ xã hội mới; yêu cầu từ thực tiễn hội nhập quốc tế,...).

Câu hỏi 2: Việc xây dựng chính sách xuất phát từ yêu cầu cần thể chế hóa chủ trương, chính sách mới nào của Đảng, nhà nước?

Câu hỏi 3: Việc xây dựng chính sách xuất phát từ sự bất cập của các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực đó nên cần phải can thiệp thêm bằng văn bản:

+ Nếu thiếu văn bản điều chỉnh thì giải pháp chính là phải ban hành một văn bản quy phạm pháp luật hay chỉ cần một văn bản cá biệt?

+ Nếu đã có quy định nhưng nội dung bất cập (như quy định thiếu cụ thể, rõ ràng, quy định đã lạc hậu so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện tại hoặc các biện pháp quy định trong văn bản chưa đủ mạnh để giải quyết vấn đề,

thiếu nguồn lực để thực thi) thì giải pháp chính là cần ban hành một văn bản mới hay chỉ cần sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành?

Câu hỏi 4: Các lý do khác (nếu có).

b) Khả năng các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản bảo đảm giải quyết được những vướng mắc và điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, vị thế đối ngoại của đất nước.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Trong hồ sơ gửi thẩm định (tờ trình, báo cáo đánh giá tác động) đã nêu rõ các chính sách chủ yếu của đề nghị xây dựng văn bản hay chưa? Mục đích, nội dung của các chính sách đó là gì? Lý do của việc ban hành chính sách đó? Các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do của việc lựa chọn giải pháp đó? Các chính sách đó là giải pháp tối ưu nhằm giải quyết vấn đề đặt ra hay chưa? Có thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, vị thế đối ngoại của đất nước không?

Câu hỏi 2: Các chính sách của đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nêu trong hồ sơ gửi thẩm định có nhất quán, thống nhất, phù hợp với nhau hay không?

2. Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản

Khi thẩm định về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Sự phù hợp giữa đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản với chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản;

b) Sự phù hợp giữa đối tượng với phạm vi điều chỉnh của văn bản;

c) Tính thống nhất giữa phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản với các văn bản khác có liên quan.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Đối tượng, phạm vi điều chỉnh có phù hợp với chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản không?

Câu hỏi 2: Giữa đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có phù hợp, tương xứng không?

Câu hỏi 3: Tên gọi của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã phản ánh đúng về cơ bản phạm vi, đối tượng điều chỉnh mà chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cần điều chỉnh hay chưa?

3. Về sự phù hợp của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

1. Khi thẩm định về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể về các nội dung sau:

a) Những văn kiện, nội dung cụ thể của văn kiện thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng, văn bản thể hiện chính sách của Nhà nước làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách;

b) Việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản.

2. Trong trường hợp phát hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản chưa phù hợp với nội dung văn kiện thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng, văn bản thể hiện chính sách của Nhà nước, nhưng phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân thì nội dung thẩm định cần nêu rõ vấn đề này và đề xuất xin ý kiến chỉ đạo của Đảng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Đường lối, chủ trương của Đảng cần thể chế hóa thành chính sách của đề nghị xây dựng văn bản quy định trong văn kiện nào của Đảng?

Câu hỏi 2: Nội dung chính sách có phù hợp với định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng về lĩnh vực đó không?

4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với hệ thống pháp luật

a) Căn cứ nội dung của đề nghị xây dựng văn bản, khi thẩm định về tính hợp hiến cần nêu rõ ý kiến đánh giá sự phù hợp của các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với tinh thần, nội dung của Hiến pháp theo một hoặc một số các nội dung sau:

- Về chế độ chính trị;

- Về các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

- Về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; bảo vệ Tổ quốc;

- Sự phù hợp của các chính sách trong đề nghị với quy định của Hiến pháp về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Nội dung của chính sách dựa trên quy định cụ thể nào của Hiến pháp về bản chất nhà nước, nội dung cơ bản của chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường?

Câu hỏi 2: Nội dung của chính sách có phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước?

b) Khi thẩm định về tính hợp pháp phải nêu rõ ý kiến đánh giá theo các nội dung sau:

- Sự phù hợp của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với thẩm quyền của chủ thể ban hành văn bản;

- Sự phù hợp của nội dung chính sách với quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có giá trị pháp lý cao hơn. Trong trường hợp phát hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản không phù hợp với quy định của văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, nhưng phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân thì nội dung thẩm định cần nêu rõ vấn đề này và đề xuất việc xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Căn cứ pháp lý chủ yếu để ban hành chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là gì và các căn cứ đó có chính xác hay không?

Câu hỏi 2: Có đúng thẩm quyền ban hành văn bản (về hình thức và nội dung) hay không?

Câu hỏi 3: Đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản không? Ví dụ: Hồ sơ thẩm định có đầy đủ các tài liệu cần thiết chưa (Tờ trình đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý; Đề cương dự thảo chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật...)?; có lấy ý kiến các đối tượng theo quy định không?

Câu hỏi 4: Đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc ban hành văn bản do Luật ban hành văn bản quy định hay không? Cụ thể:

+ Cách quy định hiệu lực của văn bản, hiệu lực trở về trước;

+ Đảm bảo nguyên tắc ủy quyền theo quy định của Luật.

+ Tính đồng bộ trong các quy định.

c) Khi thẩm định về tính thống nhất cần nêu rõ ý kiến đánh giá về sự thống nhất giữa chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với các quy định của văn

bản quy phạm pháp luật hiện hành khác do cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành về cùng một vấn đề, đảm bảo không chồng chéo, mâu thuẫn giữa nội dung của chính sách với các quy định hiện hành. Trong trường hợp phát hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản không thống nhất, đồng bộ với quy định tại các văn bản hiện hành khác, nội dung thẩm định cần phân tích rõ và đề xuất phương án xử lý.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi: Nội dung chính sách có đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành không? Cụ thể:

+ Có mâu thuẫn giữa các quy định của nội dung chính sách với các quy định hiện hành do cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành không (ví dụ: nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có mâu thuẫn với nội dung của một hoặc nhiều chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác về cùng một lĩnh vực) và trong tờ trình đã có phương án giải quyết mâu thuẫn đó chưa?

+ Nếu trong tờ trình đã nêu nhưng thấy đề xuất chưa hợp lý thì ngay trong Báo cáo thẩm định phải chỉ rõ mâu thuẫn này và đề xuất cơ quan chủ trì soạn thảo phải có phương án giải quyết những mâu thuẫn đó.

5. Về tính khả thi, tính dự báo của chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản

Khi thẩm định về tính khả thi, tính dự báo của chính sách và các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Sự phù hợp giữa nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều kiện kinh tế - xã hội;

b) Sự phù hợp của các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân;

c) Sự phù hợp giữa chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với chủ trương cải cách hành chính;

d) Sự phù hợp của các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với trình độ quản lý, trình độ dân trí;

đ) Sự phù hợp của các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với xu hướng phát triển chung của quốc tế;

e) Sự toàn diện của các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản so với yêu cầu giải quyết vấn đề. Trong trường hợp các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề gây tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đến các đối tượng khác trong xã hội thì nội dung thẩm định cần nêu rõ vấn đề này và đề nghị biện pháp khắc phục;

g) Đánh giá tính dự báo của các chính sách khi thực hiện trên thực tế.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội vào thời điểm ban hành hoặc thời điểm có hiệu lực của văn bản không?

Câu hỏi 2: Có bảo đảm sự tương xứng, hợp lý của các biện pháp quy định trong đề nghị văn bản với mục tiêu được xác định khi ban hành văn bản không? Mức độ có thể giải quyết vấn đề theo mục tiêu đặt ra như thế nào? Đề xuất giải pháp khắc phục trường hợp các biện pháp giải quyết vấn đề gây tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu hỏi 3: Quy định của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có bảo đảm đầy đủ cơ chế để giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản như nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục thực hiện? (ví dụ: Nếu phạm vi của văn bản đòi hỏi phải giải quyết 10 vấn đề nhưng chính sách chỉ giải quyết 5 - 6 vấn đề là chưa đủ).

Câu hỏi 4: Bảo đảm tính minh bạch, mức độ rõ ràng trong các quy định để từng đối tượng chịu sự tác động của văn bản (các cơ quan, tổ chức, cá nhân) biết họ được làm gì, làm như thế nào, cơ quan nhà nước chỉ được làm gì... trong quá trình thi hành văn bản.

Câu hỏi 5: Các quy định của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có bảo đảm là giải pháp tốt nhất để thực thi các chính sách hay chưa? (trên cơ sở đánh giá kết quả báo cáo đánh giá tác động của văn bản, trong đó có mô tả, phân tích định tính và cả định lượng về chi phí, lợi ích đảm bảo chi phí ít nhất, hiệu quả cao nhất, rủi ro ít nhất, ít tác động tiêu cực nhất đến quyền và nghĩa vụ của công dân,...).

Câu hỏi 6: Các quy định có phù hợp với chủ trương cải cách hành chính của nhà nước không?

Câu hỏi 7: Các quy định có phù hợp với những điều kiện thực tế để thi hành hay không?

Câu hỏi 8: Các chế tài quy định có bảo đảm cho việc áp dụng pháp luật nghiêm minh, bảo đảm lợi ích cộng đồng, nhưng không quá gây bất lợi cho người dân hay không?

6. Về các điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản

Khi thẩm định về điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Đánh giá về nguồn tài chính cho việc tổ chức thực hiện chính sách:

- Chi phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (nếu cần thiết);

- Chi phí của tổ chức, cá nhân và các đối tượng áp dụng khi thực hiện chính sách;

- Chi phí cho việc bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc tổ chức thực hiện chính sách;

- Chi phí thay đổi tổ chức, bộ máy, nhân sự của các cơ quan hiện hành;

- Các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách.

b) Đánh giá về dự kiến nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện chính sách:

- Việc cần thay đổi, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chính sách;

- Phương thức xử lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức dư thừa khi có sự tinh giảm bộ máy hoặc biện pháp bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức khi có phát sinh bộ máy mới để thực hiện chính sách.

c) Đánh giá về các nguồn lực khác để thực hiện chính sách (nếu có).

7. Về tính tương thích của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Khi thẩm định về tính tương thích của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Việc nội luật hóa các quy định của điều ước quốc tế thành nội dung và các giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản;

b) Sự phù hợp giữa chính sách với quy định của các điều ước quốc tế có liên quan. Trường hợp cản trở, khó khăn khi thực hiện chính sách có thể gây ra đối với việc thực hiện điều ước quốc tế thì nội dung thẩm định cần nêu rõ và đề xuất hướng giải quyết;

c) Nghiên cứu, đánh giá về khả năng Việt Nam vận dụng các quyền hoặc cơ hội (quy định tùy nghi) theo các điều ước quốc tế có liên quan để bảo vệ tối đa, hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam (nếu có).

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Đã có điều ước quốc tế đa phương, song phương nào Việt Nam là thành viên mà liên quan đến nội dung của chính sách chưa?

Câu hỏi 2: Nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có tương thích với các cam kết trong các điều ước quốc tế song phương, đa phương hay không? Có điểm nào trái hoặc khác với các cam kết trong các điều ước quốc tế đó không? Nếu có thì mức độ trái như thế nào (trái với một hoặc nhiều nguyên tắc, quy định của điều ước quốc tế)?

Câu hỏi 3: Chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản phải quy định các vấn đề nào quy định trong các điều ước quốc tế nào mà Việt Nam là thành viên

Câu hỏi 4: Cách quy định của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản có làm cản trở hay gây khó khăn cho việc thực hiện các điều ước đó hay không? Nếu có thì ở mức độ nào và giải pháp nào để khắc phục những khó khăn, cản trở đó? (ví dụ: quy định bổ sung các điều, khoản cần thiết,...).

Câu hỏi 5: Nội dung cụ thể của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã nội luật hóa được quy định nào trong điều ước quốc tế đó? Mức độ nội luật hóa là toàn bộ hay từng phần? Hướng giải quyết tiếp theo?

Câu hỏi 6: Quy định của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã tận dụng được các cam kết liên quan đến quyền hoặc cơ hội của Việt Nam trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên để bảo vệ tối đa, hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam?

8. Về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản (nếu có)

Khi thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là TTHC) của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Sự cần thiết có TTHC để thực hiện các chính sách;

b) Tính hợp lý, tính hợp pháp của một TTHC được đánh giá trên cơ sở gắn liền với thẩm quyền ban hành chính sách;

c) Khả năng chi phí tuân thủ TTHC để thực hiện các chính sách.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Quy định TTHC có thực sự cần thiết hay không?

Câu hỏi 2: Có biện pháp nào thay thế quy định TTHC đó không?

Câu hỏi 3: Quy định TTHC có bảo đảm yêu cầu về tính hợp lý, hợp pháp và hiệu quả không?

9. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng văn bản (nếu có)

Khi thẩm định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản cần nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Chính sách và các giải pháp thực hiện bảo đảm việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nhằm loại bỏ nội dung, giải pháp gây bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; nội dung, giải pháp bảo đảm tính khả thi trong việc giải quyết vấn đề giới, tính khả thi của chính sách để bảo đảm bình đẳng giới; thực trạng của giới nam và giới nữ trong mối quan hệ với chính sách được đề xuất;

b) Xem xét, đánh giá các chính sách được đề xuất có khả năng gây bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới hay không, đã thể hiện cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và khả năng thụ hưởng các quyền, lợi ích, sự tác động tích cực hoặc tiêu cực đến mỗi giới. Trường hợp nội dung chính sách có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới nhưng chưa được cơ quan đề xuất xử lý thì trong báo cáo phải nêu rõ và yêu cầu xử lý trong chính sách. Trường hợp chính sách đã nêu vấn đề bình đẳng giới thì xem xét, đánh giá việc xử lý theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực của Luật bình đẳng giới;

c) Các chính sách, giải pháp để thực thi chính sách để giải quyết vấn đề bình đẳng giới có khả thi hay không. Các điều kiện để bảo đảm thực thi bình đẳng giới đó đã phù hợp hay chưa và kiến nghị hướng xử lý.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Quy định về việc lồng ghép giới đã đầy đủ chưa?

Câu hỏi 2: Đã bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới chưa?

Câu hỏi 3: Có đảm bảo tính khả thi của việc giải quyết vấn đề giới, tính khả thi của chính sách để bảo đảm bình đẳng giới?

10. Về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến trong đề nghị xây dựng văn bản

Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản còn những vấn đề có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến thì trong báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm định về từng vấn đề và có lập luận rõ ràng.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi: Các quan điểm khác nhau về nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã đủ chưa? Quan điểm của cơ quan thẩm định về từng vấn đề còn có ý kiến khác nhau như thế nào? Trường hợp ủng hộ quan điểm của cơ quan soạn thảo hoặc không ủng hộ cần phải nêu rõ quan điểm và lập luận rõ.

11. Về việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Hồ sơ gửi thẩm định có đầy đủ các tài liệu cần thiết theo quy định không?

Câu hỏi 2: Đề nghị xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách chưa? Các Bộ, ngành bắt buộc lấy ý kiến đã có ý kiến chưa?

Câu hỏi 3: Cơ quan lập đề nghị có tuân thủ đúng trình tự, thủ tục chưa?

NỘI DUNG VÀ CÂU HỎI THAM KHẢO KHI THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Nội dung thẩm định dự án, dự thảo văn bản đã thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 58, khoản 3 Điều 92 của Luật ban hành văn bản. Trong quá trình thẩm định dự án, dự thảo văn bản, các thành viên Hội đồng thẩm định, Hội đồng tư vấn thẩm định, đại biểu tham dự cuộc họp thẩm định, đơn vị chủ trì, tham gia thẩm định có thể tham khảo các nội dung cụ thể và câu hỏi của từng vấn đề sau đây:

I. NỘI DUNG THAM KHẢO VÀ CÂU HỎI GỢI Ý

1. Sự phù hợp của nội dung dự án, dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã được thông qua

Khi thẩm định về sự phù hợp của nội dung dự án, dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã được thông qua, báo cáo thẩm định cần nêu rõ các ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Sự phù hợp giữa các quy định trong dự án, dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu ban hành văn bản;

b) Sự phù hợp giữa các quy định trong dự án, dự thảo văn bản với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản;

c) Mức độ chuyên hóa các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã được thông qua vào dự án, dự thảo văn bản;

d) Sự phù hợp giữa các quy định trong dự án, dự thảo văn bản với các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã được thông qua.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Các quy định của dự án, dự thảo văn bản có phù hợp với mục đích, yêu cầu ban hành văn bản không?

Câu hỏi 2: Các quy định của dự án, dự thảo văn bản có phù hợp với phạm vi, đối tượng điều chỉnh không?

Câu hỏi 3: Đối tượng, phạm vi điều chỉnh có phù hợp với chính sách của dự án, dự thảo văn bản không?

Câu hỏi 4: Tên gọi của dự án, dự thảo văn bản đã phản ánh đúng về cơ bản phạm vi, đối tượng điều chỉnh mà dự án, dự thảo văn bản cần điều chỉnh hay chưa?

Câu hỏi 5: Giữa đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự án, dự thảo văn bản có phù hợp, tương xứng không?

Câu hỏi 6: Các quy định của dự án, dự thảo văn bản đã chuyên hóa đầy đủ, chính xác các chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản đã được thông qua chưa?

Câu hỏi 7: Đường lối, chủ trương của Đảng cần thể chế hóa thành chính sách của dự án, dự thảo văn bản quy định trong văn kiện nào của Đảng?

Câu hỏi 8: Nội dung dự án, dự thảo văn bản có phù hợp với định hướng chủ trương, chính sách của Đảng về lĩnh vực đó không?

Câu hỏi 9: Trong trường hợp phát hiện nội dung dự án, dự thảo có những quy định chưa phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng (nếu có) trong lĩnh vực đó, thì đề xuất cơ quan có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo của Đảng.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự án, dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

a) Khi thẩm định về tính hợp hiến, tùy thuộc vào nội dung của văn bản được thẩm định, báo cáo thẩm định phải nêu rõ ý kiến đánh giá sự phù hợp của các quy định trong văn bản với tinh thần, quy định của Hiến pháp về một hoặc một số nội dung quy định tại điểm a khoản 4 phần I của Phụ lục I.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Nội dung của dự án, dự thảo văn bản dựa trên quy định cụ thể nào của Hiến pháp về bản chất nhà nước, nội dung cơ bản của chế độ kinh tế, nghĩa vụ cơ bản của công dân, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước?

Câu hỏi 2: Nội dung dự án, dự thảo văn bản có phù hợp với quy định của Hiến pháp về bản chất nhà nước, nội dung cơ bản của chế độ kinh tế, nghĩa vụ cơ bản của công dân, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước?

Nếu dự án, dự thảo có quy định không phù hợp với Hiến pháp thì cần phân tích và nêu rõ:

- Không phù hợp với điều khoản cụ thể nào của Hiến pháp?
- Có vượt khỏi phạm vi quy định của Hiến pháp hay không? nếu có thì về vấn đề gì?

b) Khi thẩm định về tính hợp pháp, báo cáo thẩm định phải nêu rõ ý kiến đánh giá theo các nội dung sau:

- Sự phù hợp của các quy định trong văn bản với thẩm quyền của chủ thể ban hành văn bản;

- Sự phù hợp của các quy định trong văn bản với quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có giá trị pháp lý cao hơn.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Căn cứ pháp lý chủ yếu để ban hành văn bản là gì và các căn cứ đó có chính xác hay không?

Câu hỏi 2: Có đúng thẩm quyền ban hành văn bản (về hình thức và nội dung) hay không?

+ Hình thức văn bản có phù hợp với yêu cầu của pháp luật về nội dung của từng loại văn bản hay không? (ví dụ: vấn đề nào phải do luật, nghị quyết của Quốc hội quy định; vấn đề nào ban hành dưới hình thức pháp lệnh hoặc nghị định,...).

+ Nội dung dự án, dự thảo văn bản có phù hợp với thẩm quyền của chủ thể ban hành không? (thuộc thẩm quyền quy định của Quốc hội hay Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ,...).

Câu hỏi 3: Nội dung dự án, dự thảo văn bản có bảo đảm tính hợp pháp hay không? Cụ thể:

+ Có quy định nào trái với văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn không? Nếu có thì phải phân tích xem có phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước không? Nêu cụ thể và đề xuất việc xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

+ Có đảm bảo tính đầy đủ trong nội dung dự án, dự thảo văn bản theo yêu cầu của văn bản có giá trị pháp lý cao hơn thuộc lĩnh vực đó hay không? chỉ rõ những nội dung còn thiếu, dẫn chiếu điều khoản cụ thể.

Câu hỏi 4: Văn bản có tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản không? Ví dụ: Hồ sơ thẩm định có đầy đủ các tài liệu cần thiết chưa (Dự án, dự thảo văn bản, Tờ trình, Bản thuyết minh chi tiết; báo cáo đánh giá tác động; tổng hợp ý kiến đóng góp của các bộ, ngành, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản,...)?; Có lấy ý kiến các đối tượng theo quy định không? Có thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập theo quy định không?

Câu hỏi 5: Đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc ban hành văn bản do Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định hay không? cụ thể:

- + Cách quy định hiệu lực của văn bản, hiệu lực trở về trước;
- + Đảm bảo nguyên tắc ủy quyền theo quy định của Luật;
- + Tính đồng bộ trong các quy định của dự án, dự thảo văn bản.

Trong trường hợp phát hiện có quy định trong văn bản không phù hợp với quy định của văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, nhưng phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ vấn đề này và đề xuất việc xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

c) Khi thẩm định về tính thống nhất, tính đồng bộ của dự án, dự thảo, báo cáo thẩm định phải nêu rõ ý kiến đánh giá về một số vấn đề theo các nội dung sau:

- Sự thống nhất, đồng bộ của các quy định trong dự án, dự thảo với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn;

- Sự thống nhất, đồng bộ giữa quy định của dự án, dự thảo với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác do cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành về cùng một vấn đề, đảm bảo không chồng chéo, mâu thuẫn giữa nội dung của dự án, dự thảo với các quy định hiện hành.

Trong trường hợp phát hiện quy định tại dự án, dự thảo không thống nhất, đồng bộ với quy định tại các văn bản hiện hành khác, báo cáo thẩm định phải phân tích rõ và đề xuất phương án xử lý.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi: Nội dung dự án, dự thảo văn bản có đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành không? Cụ thể:

+ Có mâu thuẫn giữa các quy định của dự án, dự thảo với các quy định hiện hành do cùng cấp có thẩm quyền ban hành không (ví dụ: nội dung dự án, dự thảo nghị định có mâu thuẫn với nội dung của một hoặc nhiều nghị định hiện hành khác về cùng một lĩnh vực) và trong tờ trình, dự án, dự thảo văn bản đã có phương án giải quyết mâu thuẫn đó chưa?

+ Nếu trong tờ trình đã nêu nhưng thấy đề xuất chưa hợp lý thì ngay trong Báo cáo thẩm định phải chỉ rõ mâu thuẫn này và đề xuất cơ quan chủ trì soạn thảo phải có phương án giải quyết những mâu thuẫn đó (có thể đề xuất ban hành một văn bản sửa nhiều văn bản; có thể đề nghị kéo dài thời điểm có hiệu lực của văn bản nhằm có đủ thời gian cần thiết sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành để kịp thời có hiệu lực vào cùng thời điểm).

3. Tính tương thích của dự án, dự thảo văn bản với điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Khi thẩm định về tính tương thích của dự án, dự thảo văn bản với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, báo cáo thẩm định phải nêu rõ ý kiến đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Sự phù hợp giữa quy định của dự án, dự thảo với quy định của các điều ước quốc tế có liên quan. Trong trường hợp phát hiện quy định của dự án, dự thảo trái hoặc không thống nhất với quy định của điều ước quốc tế thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý;

b) Những cản trở, khó khăn mà quy định của dự án, dự thảo có thể gây ra đối với việc thực hiện điều ước quốc tế và đề xuất hướng giải quyết;

c) Nghiên cứu, đánh giá về khả năng Việt Nam vận dụng các quyền hoặc cơ hội (quy định tùy nghi) theo các điều ước quốc tế có liên quan để bảo vệ tối đa, hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam (nếu có).

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Đã có điều ước quốc tế đa phương, song phương nào Việt Nam là thành viên mà liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo chưa?

Câu hỏi 2: Nội dung dự án, dự thảo văn bản có tương thích với các cam kết trong các điều ước quốc tế song phương/đa phương hay không? Có điểm nào trái hoặc khác với các cam kết trong các điều ước quốc tế đó không? Nếu có thì mức độ trái như thế nào (trái với một hoặc nhiều nguyên tắc, quy định của điều ước quốc tế)?

Câu hỏi 3: dự án, dự thảo phải quy định các vấn đề nào quy định trong các điều ước quốc tế nào mà Việt Nam là thành viên?

Cách quy định của dự án, dự thảo văn bản có làm cản trở hay gây khó khăn cho việc thực hiện các điều ước đó hay không? Nếu có thì ở mức độ nào và giải pháp nào để khắc phục những khó khăn, cản trở đó? (ví dụ: quy định bổ sung các điều, khoản cần thiết,...).

Câu hỏi 4: Nội dung cụ thể của dự án, dự thảo đã nội luật hóa được quy định nào trong điều ước quốc tế đó? Mức độ nội luật hóa là toàn bộ hay từng phần? Hướng giải quyết tiếp theo?

Câu hỏi 5: Quy định của dự án, dự thảo đã tận dụng được các cam kết liên quan đến quyền hoặc cơ hội của Việt Nam trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên để bảo vệ tối đa, hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam?

4. Sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu có)

a) Sự cần thiết của TTHC được đánh giá theo các nội dung sau:

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực nhất định;
- Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;
- Là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

- **Câu hỏi 1:** Việc ban hành TTHC có đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực không?

- **Câu hỏi 2:** Việc ban hành TTHC có bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức không?

- **Câu hỏi 3:** Việc ban hành TTHC có là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức không?

b) Tính hợp lý của một TTHC được đánh giá theo các nội dung sau:

- Tính rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn, chính xác và thống nhất của tên TTHC;
- Tính rõ ràng, cụ thể và tính phù hợp về thời gian, quy trình và cơ quan có thẩm quyền xử lý, việc áp dụng cơ chế liên thông trong các bước của trình tự thực hiện TTHC, phân định trách nhiệm, nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện TTHC;
- Tính rõ ràng, cụ thể của cách thức thực hiện TTHC; sự phù hợp trong cách thức thực hiện TTHC với điều kiện của cơ quan giải quyết TTHC và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cá nhân, tổ chức với chi phí thấp nhất;
- Sự cần thiết, tính rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ;
- Tính rõ ràng, cụ thể của thời hạn giải quyết TTHC, bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức, phù hợp với khả năng của cơ quan thực hiện TTHC tổ chức. Trường hợp một TTHC do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan;
- Tính rõ ràng, cụ thể của chính sách về đối tượng thực hiện TTHC, bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước và có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất;
- Sự phù hợp về thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan thực hiện TTHC đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tuân thủ TTHC trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết; bảo đảm áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết TTHC.

Trong trường hợp một TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp tham gia giải quyết thì quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, từng cấp, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, áp dụng tối đa cơ chế liên thông trong giải quyết TTHC;

- Tính rõ ràng, cụ thể của chính sách về phí, lệ phí và các khoản chi trả khác (nếu có); sự phù hợp với chi phí mà cơ quan nhà nước bỏ ra để thực hiện TTHC, bảo đảm chi phí thấp nhất đối với cá nhân, tổ chức, có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế;
- Việc mẫu hóa đơn, tờ khai trong TTHC; tính rõ ràng, ngắn gọn, cần thiết của nội dung mẫu đơn, tờ khai cho việc giải quyết TTHC;
- Tính rõ ràng, cụ thể, cần thiết của các yêu cầu, điều kiện của TTHC đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức;

- Tính rõ ràng, thuận tiện, phù hợp của hình thức, thời hạn có hiệu lực và điều kiện có hiệu lực (nếu có) của kết quả của TTHC với yêu cầu quản lý nhà nước, với quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và tình hình thực tiễn.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

- **Câu hỏi 1:** TTHC có bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn, chính xác và thống nhất không?

- **Câu hỏi 2:** Quy định về thời gian, quy trình và cấp có thẩm quyền xử lý, việc áp dụng cơ chế liên thông trong các bước của trình tự thực hiện TTHC, phân định trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện TTHC có rõ ràng, cụ thể không?

- **Câu hỏi 3:** Quy định về cách thức thực hiện TTHC; sự phù hợp trong cách thức thực hiện TTHC với điều kiện của cơ quan giải quyết TTHC và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cá nhân, tổ chức với chi phí thấp nhất có rõ ràng, cụ thể không?

- **Câu hỏi 4:** Quy định về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ có cần thiết không? Nếu cần thiết thì đã rõ ràng, cụ thể chưa?

- **Câu hỏi 5:** Quy định về thời hạn giải quyết TTHC có rõ ràng, cụ thể không, có bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức, phù hợp với khả năng của cơ quan thực hiện TTHC tổ chức không? Trường hợp một TTHC do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan chưa?

- **Câu hỏi 6:** Quy định về đối tượng thực hiện TTHC đã rõ ràng, cụ thể chưa, có bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước và có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất không?

- **Câu hỏi 7:** Thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan thực hiện TTHC đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính có phù hợp không, có bảo đảm thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tuân thủ TTHC trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết; bảo đảm áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết TTHC không?

Trong trường hợp một TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp tham gia giải quyết thì đã quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, từng cấp, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, áp dụng tối đa cơ chế liên thông trong giải quyết TTHC chưa?

- **Câu hỏi 8:** Quy định về phí, lệ phí và các khoản chi trả khác (nếu có) đã rõ ràng, cụ thể chưa, có phù hợp với chi phí mà cơ quan nhà nước bỏ ra để thực hiện TTHC không, có bảo đảm chi phí thấp nhất đối với cá nhân, tổ chức không, đã tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế chưa?

- **Câu hỏi 9:** Đã thực hiện mẫu hóa đơn, tờ khai trong TTHC chưa? Nội dung mẫu đơn, tờ khai cho việc giải quyết TTHC có cần thiết không, có bảo đảm tính rõ ràng, ngắn gọn không?

- **Câu hỏi 10:** Quy định về các yêu cầu, điều kiện của TTHC đối với yêu cầu quản lý nhà nước đã rõ ràng, cụ thể chưa? Có phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức không? Có bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước không? Đã phân định rõ trách nhiệm chứng minh yêu cầu, điều kiện chưa? Đã bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa yêu cầu, điều kiện của TTHC được xác định trong đề nghị xây dựng văn bản với các yêu cầu, điều kiện của TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan chưa?

- **Câu hỏi 11:** Quy định về hình thức, thời hạn có hiệu lực và điều kiện có hiệu lực (nếu có) của kết quả của TTHC có bảo đảm tính rõ ràng, thuận tiện, phù hợp của với yêu cầu quản lý nhà nước và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cũng như tình hình thực tiễn hay không?

c) Tính hợp pháp của một TTHC được đánh giá theo các nội dung sau:

- TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

- Nội dung của các quy định về TTHC có sự thống nhất trong cùng một văn bản; không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Sự phù hợp của chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá trên cơ sở xem xét tổng chi phí thấp nhất của TTHC trong một năm, gồm:

- + Chi phí tuân thủ TTHC đó thấp nhất;
- + Số lần thực hiện TTHC trong một năm thấp nhất;
- + Số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá về nội dung này:

Câu hỏi 1: TTHC được ban hành theo đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP chưa?

Câu hỏi 2: Nội dung của các quy định về TTHC có bảo đảm sự thống nhất trong cùng một văn bản không? Có trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không?

Câu hỏi 3: Chi phí tuân thủ TTHC đã là mức thấp nhất chưa?

Câu hỏi 4: Số lần thực hiện TTHC trong một năm đã là thấp nhất chưa?

Câu hỏi 5: Số lượng đối tượng tuân thủ có được hưởng lợi nhiều nhất không?

5. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Khi thẩm định về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo thẩm định cần nêu rõ các ý kiến đánh giá theo các nội dung sau:

a) Đánh giá về nguồn lực tài chính cho việc tổ chức thực hiện văn bản:

- Chi phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật (nếu cần thiết);

- Chi phí mà tổ chức, cá nhân và các đối tượng áp dụng của văn bản bỏ ra khi thực hiện văn bản;

- Chi phí cho việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc tổ chức thực hiện văn bản;

- Chi phí cho việc thay đổi tổ chức, bộ máy, nhân sự của các cơ quan hiện hành;

- Các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện văn bản.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

- **Câu hỏi 1:** Chi phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật là bao nhiêu?

- **Câu hỏi 2:** Chi phí mà tổ chức, cá nhân và các đối tượng áp dụng của văn bản bỏ ra khi thực hiện văn bản là bao nhiêu?

- **Câu hỏi 3:** Chi phí cho việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc tổ chức thực hiện văn bản là bao nhiêu?

- **Câu hỏi 4:** Chi phí cho việc thay đổi tổ chức, bộ máy, nhân sự của các cơ quan hiện hành là bao nhiêu?

- **Câu hỏi 5:** Các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện văn bản.

b) Đánh giá về dự kiến nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện văn bản:

- Việc thay đổi, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện văn bản;

- Phương thức xử lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức dư thừa khi có sự tinh giảm bộ máy hoặc biện pháp bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức khi có phát sinh bộ máy mới để thực hiện văn bản.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

- **Câu hỏi 1:** Việc thay đổi, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện văn bản là như thế nào? Lợi ích, chi phí như thế nào?

- **Câu hỏi 2:** Phương thức xử lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức dư thừa khi có sự tinh giảm bộ máy hoặc biện pháp bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức khi có phát sinh bộ máy mới để thực hiện văn bản là như thế nào?

6. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản (nếu có)

Nội dung cụ thể khi thẩm định việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản được thực hiện theo quy định tại mục 9 phần I của Phụ lục I.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Quy định về việc lồng ghép giới đã đầy đủ chưa?

Câu hỏi 2: Quy định về việc lồng ghép giới đã bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới chưa?

Câu hỏi 3: Quy định về việc lồng ghép giới có đảm bảo tính khả thi của việc giải quyết vấn đề giới, tính khả thi của chính sách để bảo đảm bình đẳng giới?

7. Kỹ thuật, ngôn ngữ soạn thảo văn bản

Khi thẩm định về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo, báo cáo thẩm định phải nêu rõ sự đánh giá cụ thể theo các nội dung sau:

a) Tính hợp lý, khoa học trong bố cục của dự án, dự thảo văn bản;

b) Việc sử dụng nhất quán các thuật ngữ chuyên môn trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành.

Trường hợp trong dự án, dự thảo sử dụng thuật ngữ chuyên ngành, thuật ngữ giới hạn trong phạm vi điều chỉnh của dự án, dự thảo thì các thuật ngữ này phải được giải thích rõ ràng;

c) Ngôn ngữ được sử dụng trong dự án, dự thảo phải rõ ràng, đơn nghĩa, dễ hiểu;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Bố cục của dự án, dự thảo có bảo đảm tính hợp lý, khoa học hay không? (thể hiện trong cách cơ cấu các nhóm vấn đề theo chương, mục, điều, khoản của dự án, dự thảo văn bản).

Câu hỏi 2: Nội dung các quy định có đảm bảo tính rõ ràng, nhất quán của các thuật ngữ chuyên môn được sử dụng trong văn bản hay không? Trường hợp có sự giới hạn trong sử dụng thuật ngữ chuyên ngành thì có được giải thích rõ ràng trong văn bản không?

Câu hỏi 3: Việc đảm bảo tính rõ ràng, chính xác trong cách thức quy định các điều khoản chuyển tiếp và trong việc dẫn chiếu các quy định trong nội dung dự án, dự thảo văn bản.

Câu hỏi 4: Ngôn ngữ trong dự án, dự thảo văn bản có đảm bảo diễn đạt rõ ràng, đơn nghĩa, dễ hiểu hay không?

Câu hỏi 5: Cách diễn đạt của dự án, dự thảo; các quy định của dự án, dự thảo có quá chi tiết hay không (dẫn đến nguy cơ sớm phải sửa đổi, bổ sung văn bản).

Câu hỏi 6: Đối với dự án, dự thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh thì dự án, dự thảo đã quy định cụ thể, trực tiếp các quy định cụ thể của luật, pháp lệnh hay chưa? Có lặp lại nội dung quy định của luật, pháp lệnh về vấn đề đó hay không?

Câu hỏi 7: Văn bản có tuân thủ đúng về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật không?

8. Về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến trong dự thảo văn bản

Trường hợp dự án, dự thảo văn bản còn những vấn đề có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến thì trong báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm định về từng vấn đề và có lập luận rõ ràng.

Câu hỏi gợi ý khi đánh giá nội dung này:

Câu hỏi 1: Các quan điểm khác nhau về nội dung dự án, dự thảo đã đủ chưa? Quan điểm của cơ quan thẩm định về từng vấn đề còn có ý kiến khác nhau như thế nào? Trường hợp ủng hộ quan điểm của cơ quan soạn thảo hoặc không ủng hộ cần phải nêu rõ quan điểm và lập luận.

Câu hỏi 2: Quy định TTHC có thực sự cần thiết hay không? Có biện pháp nào thay thế quy định TTHC đó không? Quy định TTHC có bảo đảm yêu cầu về tính hợp lý, hợp pháp và hiệu quả không?

II. NỘI DUNG THAM KHẢO KHI THẨM ĐỊNH DỰ THẢO CÁC VĂN BẢN KHÁC

1. Nội dung thẩm định dự thảo nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật và dự thảo nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Khi thẩm định về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch; điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành nghị định, nghị quyết liên tịch;

ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo nghị định, nghị quyết liên tịch được thực hiện theo quy định tại các mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 phần I của Phụ lục này.

b) Khi thẩm định sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch với văn bản được quy định chi tiết cần nêu rõ ý kiến đánh giá theo các nội dung sau:

- Mức độ cụ thể hóa các quy định của văn bản được quy định chi tiết vào dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch;

- Sự phù hợp giữa quy định của dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch với quy định của văn bản được quy định chi tiết. Trường hợp phát hiện quy định của dự thảo nghị định, dự thảo nghị quyết liên tịch trái hoặc không thống nhất với quy định của văn bản được quy định chi tiết thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý.

2. Nội dung thẩm định dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, dự thảo thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

a) Khi thẩm định sự cần thiết ban hành văn bản được thực hiện theo quy định tại mục 1 phần I của Phụ lục I.

b) Khi thẩm định phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo văn bản và tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo văn bản đối với hệ thống pháp luật; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản; điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản; ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo được thực hiện theo quy định tại các mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 phần I của Phụ lục này.

c) Đối với dự thảo thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật ban hành văn bản, đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định về sự phù hợp của dự thảo thông tư với văn bản được quy định chi tiết theo các nội dung cụ thể quy định tại điểm a mục 1 phần II của Phụ lục này.

3. Về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến trong dự thảo văn bản

Trường hợp dự án, dự thảo văn bản còn những vấn đề có ý kiến khác nhau hoặc cần xin ý kiến thì trong báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm định về từng vấn đề và có lập luận rõ ràng.

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

*(Kèm theo quyết định số 2410/QĐ-BTP ngày 27 tháng 11 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Mẫu số 01: Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định dự án luật, pháp lệnh; dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định dự thảo nghị định của Chính phủ.

Mẫu số 04: Báo cáo thẩm định dự thảo nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mẫu số 05: Báo cáo thẩm định dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Mẫu số 06: Báo cáo thẩm định dự thảo thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thông tư liên tịch do Bộ Tư pháp chủ trì hoặc phối hợp ban hành.